

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6436** /UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 10 năm 2017

V/v cam kết tham gia Dự án
vay hỗ trợ cho công tác y tế
cơ sở của tỉnh Quảng Ngãi
thực hiện Quyết định số
2348/QĐ-TTg ngày
05/12/2016 của Thủ tướng

Chính phủ

Kính gửi: Bộ Y tế

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 9561
	Ngày: 19/10/17
	Chức vụ:..... Thực

Thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới và Công văn số 5588/BYT-KH-TC ngày 03/10/2017 của Bộ Y tế về việc cam kết tham gia Dự án vay hỗ trợ cho công tác y tế cơ sở nhằm thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi rà soát, tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế tuyến huyện và tuyến xã của tỉnh Quảng Ngãi (*chi tiết cụ thể tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm công văn này*); trong đó: Tổng nhu cầu về kinh phí cải thiện cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã bằng nguồn kinh phí của dự án là 144,5 tỷ đồng.

Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương đối với tỉnh Quảng Ngãi; đặc biệt là sự quan tâm của Bộ Y tế về đầu tư nguồn vốn từ các Chương trình, Dự án của Chính phủ cho công tác y tế; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nguồn nhân lực,... của tỉnh Quảng Ngãi đã từng bước được cải thiện rõ rệt từ tỉnh đến xã. Trong đó, phải kể đến các Dự án như: Dự án Y tế nông thôn, Dự án ADB,... các Dự án này được triển khai với mục tiêu tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế của người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em; qua đó góp phần nâng cao sức khỏe của nhân dân của tỉnh Quảng Ngãi trong vùng dự án.

Thông qua đề nghị của Bộ Y tế tại Công văn số 5588/BYT-KH-TC ngày 03/10/2017, tỉnh Quảng Ngãi được dự kiến nằm trong danh sách những tỉnh tiếp tục được Bộ Y tế quan tâm đầu tư nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận thấy đây là cơ hội để tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi này nhằm đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất và cung cấp trang thiết bị y tế cho các cơ sở

y tế tuyến huyện và tuyến xã của tỉnh. Hiện nay, Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi đang hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2025 và gửi các Sở, ngành liên quan góp ý để hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt trong tháng 10 năm 2017; sau đó sẽ gửi đến Bộ Y tế bản Kế hoạch triển khai đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2025.

Để có cơ sở cho Bộ Y tế kịp thời tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị y tế cho y tế cơ sở, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cam kết tham gia và triển khai thực hiện hiệu quả Dự án vay hỗ trợ cho công tác y tế cơ sở nhằm thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Khi Dự án được triển khai, tỉnh Quảng Ngãi sẽ có trách nhiệm bố trí nhân lực cho công tác quản lý và hoạt động chuyên môn, tạo các điều kiện về thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng, bảo đảm quy hoạch, bảo vệ môi trường, vốn đối ứng và các điều kiện khác có liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Y tế quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện, ưu tiên bố trí nguồn vốn nói trên cho tỉnh Quảng Ngãi để triển khai thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(KGVX)UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP(KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(HQ492).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng

PHỤ LỤC I

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐẦU TƯ TRẠNG THIẾT BỊ TẠI TUYẾN HUYỆN/THÀNH PHỐ

Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Công văn số 19/GVX ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên huyện	Tên đơn vị	Loại đơn vị			Xếp thứ tự ưu tiên về nhu cầu đầu tư TTB (*)	Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú
			TTYT huyện 1 chức năng	TTYT huyện 2 chức năng	BV huyện		Xét nghiệm HbA1C	Máy thăm dò chức năng hô hấp	Dụng cụ đo độ bão hòa ô xy	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Xpert	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ:			x		1	1	13	5	2	0	8, 11, 9, 10, 12
2	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà:			x		1	1	1	0	0	0	8,9
3	Trung tâm Y tế huyện Minh Long:			x		1	1	1	1	1	0	8,9,10,11
4	Trung tâm Y tế huyện Tây Trà:			x		1	0	2	5	0	0	10, 9
5	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây:			x		1	1	1	2	2	1	9,10,11,12,8
6	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng:			x		1	2	2	1	1	1	8,9,10,11,12
7	Trung tâm Y tế Quân Dân Y kết hợp huyện Lý Sơn			x		1	1	1	1	1	1	8,9,10,11,12
8	BVĐK huyện Nghĩa Hành				x	1	1	2	2	2	1	8,9,12,10,11
9	BVĐK huyện Sơn Tịnh				x	1	3	3	8	0	1	8, 10, 9, 12
10	BVĐK huyện Tư Nghĩa				x	1	1	1	6	4	1	8,9,10,11,12
11	BVĐK thành phố Quảng Ngãi				x	1	1	3	3	0	0	8,9,10
12	BVĐK huyện Bình Sơn				x		2	1	5	0	0	8,10,9
13	BVĐK huyện Mộ Đức				x	1	1	2	6	2	1	8,9,11,10,12
14	BVĐK Đặng Thùy Trâm (huyện Đức Phổ)				x	1	1	2	10	10	1	8,9,10,11,12
15	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Quảng Ngãi		x			1	1					8
16	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Phổ		x			1	1	1	1	1	1	8,9,10,11,12
Tổng cộng:						15	19	36	56	26	9	

PHỤ LỤC II

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐẦU TƯ CẢI THIỆN TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ TẠI CÁC TRẠM Y TẾ XÃ

Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Công văn số 19/KGVX ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã					Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch					Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú					
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không				Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ lấy từ mao mạch	Dài thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh		Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung	Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
I/		Trung tâm Y tế huyện Ba Tư:														12.000.000	20	20	0	1	2	18	0	0	20	
1	Ba Tư	Ba Cung		x		x		3	3		x		x		200.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
2		Ba Nam			x		x	1	3		x	x			5.000.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
3		Ba Lê			x	x			2	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
4		Ba Bích			x	x			1	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
5		Thị trấn		x			x	1	3	x		x			4.000.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
6		Ba Chùa			x	x			2	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
7		Ba Giang			x	x		3	2	x				x	400.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
8		Ba Dinh			x	x			3	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
9		Ba Tô			x	x		2	3	x				x	500.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
10		Ba Vi			x		x		1		x			x	0	1	1	0	1	1	1	0	0	1	25,17,22,18,21,20	
11		Ba Xa			x	x		2	1	x				x	300.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
12		Ba Tiêu			x	x			1	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
13		Ba Ngạc			x	x			2	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
14		Ba Thành			x		x		2	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
15		Ba Vinh			x	x			1	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
16		Ba Điền			x	x		3	3	x				x	200.000	1	1	0	0	0	0	0	0	1	25,17,18	
17		Ba Động			x	x		3	1	x				x	500.000	1	1	0	0	1	0	0	0	1	25,17,18,21	
18		Ba Liên			x		x		2	x				x	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,21,18	
19		Ba Trang			x	x		1	2	x				x	600.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	
20		Ba Khâm			x	x		2	2	x				x	300.000	1	1	0	0	0	1	0	0	1	25,17,22,18	

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã					Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(**)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án							Ghi chú		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không				Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ lấy từ mao mạch	Dài thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung	Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh		Dây chuyền lạnh cho vắc xin	
																											11
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
III/	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà:																										
1	Sơn Hà	Sơn Hạ			x	x			1	x			x	0		1				1				1	25.22.18		
2		Sơn Thành		x			x		1	x			x	0		1					1				1	25.22.18	
3		Sơn Nham			x	x			1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
4		Sơn Cao			x	x			1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
5		Sơn Linh			x	x			1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
6		Sơn Giang		x				x	2	x			x	0		1					1					1	25.22.18
7		Sơn Hải		x				x	2	x			x	0		1					1					1	25.22.18
8		Sơn Thủy		x				x	2	x			x	0		1					1					1	25.22.18
9		Sơn Kỳ		x			x		1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
10		Sơn Ba		x			x		1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
11		Sơn Thượng		x				x	2	x			x	0		1					1					1	25.22.18
12		TT Di Lăng		x				x	3	x			x	0		1					1					1	25.22.18
13		Sơn Bao			x	x			1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
14		Sơn Trung		x			x		1	x			x	0		1					1					1	25.22.18
III/	Trung tâm Y tế huyện Minh Long:																										
1	Minh Long	Long Hiệp		x			x	1	1	x		x		5.000.000	1	1	1	1	1	1	1				1		
2		Long Sơn		x	x			2	1	x		x		1.500.000	1	1	1	1	1	1	1				1		
3		Long Mai			x	x			2	1	x		x	0	1	1	1	1	1	1	1				1		
4		Thanh An			x			x	2	1	x		x	0	1	1	1	1	1	1	1				1		
5		Long Môn			x	x			2	1	x		x	0	1	1	1	1	1	1	1				1		
IV/	Trung tâm Y tế huyện Tây Trà:																										
1	Tây Trà	Trà Khê			x		x		1	x			x	0	1	1					1	1			1	17,18,23,22,25	
2		Trà Lãnh		x	x	x		2	1	x		x		450.000	1	1					1	1			1	22,18,17,25,23	
3		Trà Nham			x	x			2	2	x		x		450.000	1	1				1	1			1	17,22,18,25,23	
4		Trà Phong			x			x	1	2	x		x		5.000.000	1	1					1	1			1	18,17,22,25,23
5		Trà Quán			x			x		3	x			x	0	1	1					1	1			1	22,17,18,25,23
6		Trà Thanh			x	x		x		1	x			x	0	1	1					1	1			1	17,22,18,23,25
7		Trà Thọ			x			x	2	3	x		x		5.600.000	1	1					1	1			1	23,17,18,25,22
8		Trà Trung			x			x		2	x			x	0	1	1					1	1			1	22,17,18,25,23

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã					Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch					Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không				Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ lấy từ mao mạch	Dài thử đườn g huyết	Dụng cụ đo lưu lượn g đinh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung	Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin			
																											16	17
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
9		Trà Xanh			x		x	2	2	x		x			5.600.000	1	1				1	1		1	17,18,22,25,23			
V/	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây:														8.500.000	18	18	18	9	9	9	9	9	9				
1	Sơn Tây	Sơn Dung			x		x	1	1		x	x			5.000.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
2		Sơn Mùa			x	x		2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
3		Sơn Liên			x	x		2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
4		Sơn Bua			x		x	3	1	x				x	0	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
5		Sơn Tân			x	x		2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
6		Sơn Mầu			x	x		2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
7		Sơn Tinh			x	x		2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
8		Sơn Lập			x		x	2	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
9		Sơn Long			x		x	3	1	x			x		500.000	2	2	2	1	1	1	1	1	1	22,25,21,23,17,18,19,20,24			
V/	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng:														27.500.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10				
1		Trà Sơn	x				x	1	2	x		x			5.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21			
2		Trà Giang	x				x	1	2	x		x			5.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21			
3		Trà Thủy	x				x	1	2	x		x			5.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21			
4		Trà Tân	x				x	1	2	x		x			5.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21			

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã			Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT		Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú																
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không			Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ mao mạch	Dải thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung		Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26													
5	Trà Bồng	Trà Hiệp	x				x	1	2	x		x			5.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.												
6		Trà Xuân		x		x		3	1	x			x		500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.												
7		Trà Phú		x		x		3	1	x				x	500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.											
8		Trà Bình		x		x		3	1	x				x	500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.											
9		Trà Bui	x					x	2	2	x			x	500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.											
10		Trà Lâm	x					x	2	3	x			x	500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,22,24,25,19,20,21.											
VII/ Trung tâm Y tế dự phòng huyện Tư Nghĩa															9.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0														
1	Tư Nghĩa	Nghĩa Điền		x		x		1		x		x			4.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
2		Nghĩa Thăng		x		x		2		x		x			4.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
VIII/ Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bình Sơn															20.000.000	50	25	0	0	0	25	25	25	25														
1		Bình An			x		x	1	1		x	x			4.500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25												
2		Bình Chánh		x			x	2	1	x			x		500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25												
3		Bình Châu			x		x		2	x				x	0	2	1						1	1	1	1	17,18,22,23,24,25											
4		Bình Chương		x			x		3	2	x			x	500.000	2	1						1	1	1	1	17,18,22,23,24,25											
5		Bình Dương		x			x		2	2	x			x	500.000	2	1						1	1	1	1	17,18,22,23,24,25											
6		Bình Đông			x		x		2		x				0	2	1						1	1	1	1	17,18,22,23,24,25											

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã			Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT		Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú				
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không			Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ mao mạch	Dải thử đườn g huyết	Dụng cụ đo lưu lượn g địn h	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung		Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin	
																										16
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
7		Bình Hải		x			x		2	x					x	0	2	1				1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
8		Bình Hòa		x			x	3	2	x			x		4.500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
9		Bình Hiệp		x			x		2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
10		Bình Khương		x			x		1	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
11		Bình Long	x				x		2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
12		Bình Minh		x			x		1	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
13	Bình Sơn	Bình Mỹ		x			x		1	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
14		Bình Nguyễn		x			x	3	1	x			x		500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
15		Bình Phú			x		x	1	1	x			x		4.500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
16		Bình Phước		x			x		2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
17		Bình Tân			x	x			2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
18		Bình Thạnh		x			x		1	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
19		Bình Thanh Đông		x			x	1	2	x				x	4.500.000	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25
20		Bình Thanh Tây		x			x		2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã			Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT		Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án			Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án							Ghi chú						
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không			Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ mao mạch	Dải thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung		Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
21		Bình Thới	x			x		1	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25			
22		Bình Thuận			x		x	2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25			
23		Bình Trị		x			x	2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25			
24		Bình Trung	x				x	2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25			
25		Thị trấn Châu ô	x				x	2	x				x	0	2	1					1	1	1	1	17,18,22,23,24,25			
IX/	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Quảng Ngãi:															20.050.000	46	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23	
1		Nghĩa Dũng	x			x		1	x				x	0	2									1	25,17			
2		Tịnh Thiện		x		x		1	x				x	0	2									1	25,17			
3		Tịnh An		x			x	1	x				x	0	2									1	25,17			
4		P.Chánh Lộ	x			x		1	x				x	0	2									1	25,17			
5		Nghĩa An		x		x		1		x		x		6.000.000	2									1	25,17			
6		Tịnh Ân Tây	x			x		2	2	x			x	150.000	2									1	25,17			
7		Tịnh Hòa		x		x		2	1	x			x	120.000	2									1	25,17			
8		Tịnh Châu		x		x		1	1	x			x	500.000	2									1	25,17			
9		Tịnh Long		x		x		1	x				x	0	2									1	25,17			
10		Nghĩa Đông	x			x		3	x				x	0	2									1	25,17			
11		P.Trần Hưng Đạo	x			x		2	1	x			x	6.000.000	2									1	25,17			
12	Thành	Nghĩa Hà		x		x		1	x				x	0	2									1	25,17			

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã					Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(**)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch			Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án			Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án								Ghi chú				
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không				Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ mao mạch	Dài thử đườn g huyết	Dụng cụ đo lưu lượn g địn h	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung	Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh		Dây chuyền lạnh cho vắc xin			
																											17	18	19
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26				
13	phố Quảng Ngãi	Nghĩa Phú		x		x		3	1	x			x		6.000.000	2									1	25,17			
14		Tịnh Ân Đông		x			x		2	x				x	0	2										1	25,17		
15		P.Trương Quang Trọng	x				x			1	x			x	0	2											1	25,17	
16		P.Nguyễn Nghiêm	x				x			1	x			x	0	2											1	25,17	
17		P.Quảng Phú	x				x		2	1	x			x	180.000	2											1	25,17	
18		P.Trần Phú	x				x		2	1	x			x	180.000	2											1	25,17	
19		P.Nghĩa Lộ	x				x			1	x			x	0	2											1	25,17	
20		P.Nghĩa Chánh	x				x			1	x			x	0	2											1	25,17	
21		P.Lê Hồng Phong	x				x			1	x			x	0	2											1	25,17	
22		Tịnh Khê	x				x		2	2	x			x	120.000	2											1	25,17	
23		Tịnh Kỳ		x			x		1	2	x			x	800.000	2											1	25,17	
XI	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Sơn Tịnh:															11.650.000	24	11	0	11	11	11	11	11	11	11			
1		Tịnh Giang			x	x		2	1	x			x		300.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20		
2		Tịnh Đông			x	x		2	1	x			x		450.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20		
3		Tịnh Bắc		x		x		1	1	x			x		750.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20		
4		Tịnh Minh		x		x		2	1	x				Page7	250.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20		

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã			Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT		Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án							Ghi chú							
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không			Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ lấy từ mao mạch	Dải thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung	Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh		Dây chuyền lạnh cho vắc xin						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26						
5	Sơn Tịnh	Tỉnh Hiệp			x	x		1	1	x			x		1.500.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20					
6		Tỉnh Trà			x	x		2	1	x			x		300.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20					
7		Tỉnh Bình		x			x		1	1	x			x		2.000.000	3	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20				
8		Tỉnh Sơn		x			x		2	1	x			x		200.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20				
9		Tỉnh Thọ		x				x	1	1	x			x		4.500.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20				
10		Tỉnh Phong		x			x		2	1	x			x		400.000	2	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20				
11		Tỉnh Hà		x			x		1	1	x			x		1.000.000	3	1		1	1	1	1	1	1	1	17,18,25,24 22,23,21,20				
XI	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Phổ															10.000.000	14	14	14	0	0	14	14	14	14						
1	Đức Phổ	TYT Phó Châu			x		x	1	1	x			x		5.000.000	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
2		TYT Phó Thanh			x	x			1	x			x		0	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
3		TYT Phó Khánh					x		1	x			x		0	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
4		TYT Phó Hòa	x				x		1	x			x		0	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
5		TYT Phó Vinh					x		1	x			x		0	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
6		TYT Phó Minh	x				x		1	x			x		0	1	1	1			1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17					
7		TYT TTDức Phổ	x				x	1	1	x			x		5.000.000	1	1	1			1	1	1	1	1	1	25,24,18,19,22,2 3,17				

TT	Tên huyện	Tên TYT xã	Phân vùng xã			Xã đạt CQG về YT xã theo QĐ 4667/QĐ-BYT		Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu cải thiện CSHT(*)	Xếp thứ tự ưu tiên theo xã về nhu cầu đầu tư TTB(*)	Diện tích đất của TYT xã đáp ứng tiêu chí CQG và là đất sạch		Nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng TYT xã bằng nguồn kinh phí của Dự án					Nhu cầu đầu tư một số TTB từ nguồn kinh phí của Dự án					Ghi chú				
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Có	Không			Có	Không	Xây mới	Sửa chữa	Không	Kinh phí đề xuất (1000 đồng)	Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo đường huyết lấy từ lấy từ mao mạch	Dải thử đường huyết	Dụng cụ đo lưu lượng đỉnh	Dụng cụ đo độ bão hòa oxy đầu ngón tay	Máy khí dung		Thiết bị soi CTC phương pháp VIA	Thiết bị áp lạnh	Dây chuyền lạnh cho vắc xin	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
8		TYT Phò Nhon				x		1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
9		TYT Phò Ninh				x		1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
10		TYT Phò Văn					x	1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
11		TYT Phò Thuận				x		1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
12		TYT Phò Phong				x		1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
13		TYT Phò An					x	1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
14		TYT Phò Quang					x	1	x					x	0	1	1	1			1	1	1	1	25,24,18,19,22,23,17	
XIV		Trung tâm Y tế Quận Dân y kết hợp huyện Lý Sơn													8.700.000	6	3	3	3	3	3	3	3	3		
1		An Hải				x		x	1	1	x			x	700.000	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,25,18,19,20,21,22,23,24
2		An Vĩnh				x		x	1	1	x			x	7.000.000	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,25,18,19,20,21,22,23,24
3		An Bình				x		x	1	1	x			x	1.000.000	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17,25,18,19,20,21,22,23,24
		Tổng cộng:													144.500.000	191	121	42	31	32	110	78	69	135		

* Tổng nhu cầu cải thiện cơ sở hạ tầng Trạm Y tế xã/phường của tỉnh Quảng Ngãi (sửa chữa và xây mới) bằng nguồn kinh phí của dự án: 144,5 tỷ đồng